

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: HID
 - Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 024 3562 4709
 - Email: info@halcom.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng bán niên năm tài chính 2024 đã được soát xét.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/11/2024 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo tài chính riêng bán niên năm tài chính 2024 đã được soát xét.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Thu Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/04/2024 ĐẾN NGÀY 30/09/2024

Tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2024
--------------------	-------------------	-----------------------------

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 07/10/2024
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2024
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2024
Ông Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2024
Bà Trần Bắc Mỹ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2024
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2024

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Diệu	Bổ nhiệm từ ngày 23/08/2024
Bà Trần Thị Lan	Miễn nhiệm từ ngày 23/08/2024

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/09/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/09/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024



Số: 1034/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 11 năm 2024, từ trang 6 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/09/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam cho giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này tại Báo cáo soát xét số 134/2023/ASCO/BCKT ngày 29/11/2023.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/09/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/04/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.946.601.404	266.240.342.089
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	291.815.254	192.431.713
Tiền	111		191.815.254	192.431.713
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.782.621.650	262.313.904.604
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	64.683.823.995	129.613.262.298
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	22.307.682.294	128.540.619.768
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		16.850.000.000	3.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40.277.499.251	996.406.428
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(336.383.890)	(336.383.890)
Hàng tồn kho	140	9	13.973.846.160	3.222.024.352
Hàng tồn kho	141		13.973.846.160	3.222.024.352
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.898.318.340	511.981.420
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	352.096.256	195.181.925
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.229.422.589	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	316.799.495	316.799.495
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		727.061.409.291	595.065.028.715
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.364.401.000	40.364.401.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	40.364.401.000	40.364.401.000
Tài sản cố định	220		2.075.552.453	2.307.534.029
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.075.552.453	2.307.534.029
- Nguyên giá	222		6.320.518.961	6.320.518.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.244.966.508)	(4.012.984.932)
Tài sản dở dang dài hạn	240		64.943.771.269	42.873.473.291
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	64.943.771.269	42.873.473.291
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	619.614.389.392	509.272.896.630
Đầu tư vào công ty con	251		614.583.957.547	489.583.957.547
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.969.568.155)	(21.311.060.917)
Tài sản dài hạn khác	260		63.295.177	246.723.765
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	63.295.177	246.723.765
TỔNG TÀI SẢN	270		887.008.010.695	861.305.370.804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/09/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/04/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		102.901.922.459	77.468.440.397
Nợ ngắn hạn	310		83.112.738.332	77.468.440.397
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.163.451.961	5.658.349.074
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	4.965.055.859	2.017.109.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.522.842.163	4.154.135.570
Phải trả người lao động	314		1.468.523.048	1.793.979.828
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	869.249.937	860.044.458
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	287.986.191	530.661.444
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	66.805.011.392	60.372.699.121
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.030.617.781	2.081.461.481
Nợ dài hạn	330		19.789.184.127	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	19.789.184.127	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		784.106.088.236	783.836.930.407
Vốn chủ sở hữu	410	19	784.106.088.236	783.836.930.407
Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(58.859.397)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.937.245.232	13.668.087.403
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.668.087.403	11.407.505.954
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		269.157.829	2.260.581.449
TỔNG NGUỒN VỐN	440		887.008.010.695	861.305.370.804

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2024	Từ 01/04/2023
			đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	108.470.597.235	103.362.235.432
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108.470.597.235	103.362.235.432
Giá vốn hàng bán	11	21	86.810.197.885	100.471.509.017
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.660.399.350	2.890.726.415
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	692.217.345	14.499.236.970
Chi phí tài chính	22	23	17.944.160.109	15.167.391.266
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.402.313.538	3.602.250.270
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.076.953.655	8.288.972.387
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		331.502.931	(6.066.400.268)
Thu nhập khác	31	26	-	47.345.457
Chi phí khác	32	27	62.345.102	13.656.806
Lợi nhuận khác	40		(62.345.102)	33.688.651
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		269.157.829	(6.032.711.617)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		269.157.829	(6.032.711.617)

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/04/2024	Từ 01/04/2023
		đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	269.157.829	(6.032.711.617)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	231.981.576	231.981.576
Các khoản dự phòng	03	14.658.507.238	10.877.605.996
Lãi hoạt động đầu tư	05	(692.217.345)	(14.499.236.583)
Chi phí lãi vay	06	2.402.313.538	3.602.250.270
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.869.742.836	(5.820.110.358)
Giảm các khoản phải thu (Tăng) hàng tồn kho	09	170.270.074.058	23.938.758.155
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(10.751.821.808)	(272.526.978)
Giảm chi phí trả trước	11	(19.006.775.836)	(9.214.356.338)
Tiền lãi vay đã trả	12	26.514.257	256.589.886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	155.025.283.344	5.286.104.097
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.871.399.853)	(2.863.337.564)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.100.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.750.000.000	13.594.085
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(163.928.155.570)	(3.150.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	72.432.750.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.159.222	739.316
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(181.147.396.201)	66.433.745.837

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2024	Từ 01/04/2023
			đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		129.804.729.060	100.190.530.118
Tiền trả nợ gốc vay	34		(103.583.232.662)	(99.889.867.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.221.496.398	300.663.020
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		99.383.541	72.020.512.954
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	192.431.713	611.023.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	291.815.254	72.631.536.391

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 16/11/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/09/2024 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 30/09/2024 là 36 người (tại ngày 01/04/2024 là 33 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát môi trường xã hội và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/09/2024, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Cầu Giấy, Hà Nội	Xây dựng	96,88%	96,88%
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	93,61%	93,61%
Công ty Cổ phần VSED	Thanh Xuân, Hà Nội	Thẩm tra, thiết kế, tư vấn, giám sát	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình (1)	Đồng Hới, Quảng Bình	Sản xuất điện	100,00%	96,15%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (2)	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Sản xuất điện	0,00%	98,00%

(1) Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021 với số vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 96,15%, ông Vũ Mạnh Tuấn góp 3,08% và ông Hoàng Quốc Anh góp 0,77% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 20-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 13/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96,15% vốn điều lệ tương ứng 125 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình. Tại thời điểm 30/09/2024, mới có Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam thực hiện góp đầy đủ vốn theo cam kết.

(2) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 98%, ông Nguyễn Việt Dũng góp 1% và ông Phùng Ngọc Sơn góp 1% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 24-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 30/8/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 98% vốn điều lệ tương ứng 98 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/09/2024, chưa có cổ đông nào thực hiện góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	39,42%	39,42%

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023 của Công ty đã được soát xét. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính năm nay.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào Công ty con (tiếp)

- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố định tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,...

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong kỳ kế toán được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	923.771	19.234.058
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	190.891.483	173.197.655
- Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000	-
Cộng	291.815.254	192.431.713

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn một tháng có giá trị 100.000.000 VND được gửi tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 1,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào công ty con	614.583.957.547	(35.969.568.155)	(*)	489.583.957.547
+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	186.000.000.000	(294.960.239)	(*)	186.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	150.100.750.000	(35.674.607.916)	(*)	150.100.750.000
+ Công ty Cổ phần VSED	600.000.000	-	(*)	600.000.000
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152.883.207.547	-	(*)	152.883.207.547
+ Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	125.000.000.000	-	(*)	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	41.000.000.000	-	(*)	41.000.000.000
Cộng	655.583.957.547	(35.969.568.155)		530.583.957.547
				(21.311.060.917)

(*) Tại ngày 30/09/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Tóm tắt tình hình các Công ty con:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
<i>Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ</i>	Cầu Giấy, Hà Nội	96,88%	96,88%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2024. Vốn điều lệ 192 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng. Hiện nay, Công ty đang giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
<i>Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung</i>	Quy Nhơn, Bình Định	51,00%	51,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/04/2022. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
<i>Công ty Cổ phần VSED</i>	Thanh Xuân, Hà Nội	60,00%	60,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/07/2017. Vốn điều lệ 1 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Thăm tra, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tư vấn giám sát thi công các dự án.
<i>Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành</i>	Thuận Thành, Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/03/2019. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
<i>Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình</i>	Đông Hới, Quảng Bình	100,00%	96,15%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021. Vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình Công ty liên kết:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	39,42%	39,42%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/07/2021. Vốn điều lệ 104 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ông Nguyễn Việt Nam	-	-	52.480.000.000	-
- Ông Vũ Mạnh Tuấn	4.505.000.000	-	28.685.000.000	-
- Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn DDP Group	9.363.600.000	-	4.860.000.000	-
- Công ty Cổ phần DTCCOM	9.770.883.047	-	9.770.883.047	-
- Công ty TNHH Tài chính Thịnh Vương	8.856.000.000	-	7.419.600.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	1.824.379.674	-	8.277.325.280	-
- BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị Hồng Hà	1.682.529.085	-	6.088.029.085	-
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng	1.072.014.146	-	1.072.014.146	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	4.233.143.860	-	4.119.044.453	-
- Các đối tượng khác	22.109.306.197	(336.383.890)	5.574.398.301	(336.383.890)
Cộng	64.683.823.995	(336.383.890)	129.613.262.298	(336.383.890)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30.3***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An	-	-	114.894.351.257	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	7.692.486.785	-	-	-
- Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng Yên	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.615.195.509	-	646.268.511	-
Cộng	22.307.682.294	-	128.540.619.768	-



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***8. PHẢI THU KHÁC**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	40.277.499.251	-	996.406.428	-
- Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	351.504.841	-	626.668.110	-
- Phải thu khác	39.907.994.410	-	351.738.318	-
+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	293.169.110	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	98.608.219	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	469.507.263	-	-	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc (1)	38.928.155.570	-	-	-
+ Các đối tượng khác	118.554.248	-	351.738.318	-
b) Dài hạn	40.364.401.000	-	40.364.401.000	-
- Ký cược, ký quỹ	364.401.000	-	364.401.000	-
- Phải thu khác	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (2)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Cộng	80.641.900.251	-	41.360.807.428	-

Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.3

(1) Công ty đã thực hiện một phần khoản đóng góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc, dựa trên Thỏa thuận góp vốn số 3008/2024/TTGV/MTMB-HALCOM, ký ngày 30 tháng 8 năm 2024. Tổng số vốn dự kiến mà Công ty sẽ góp là 60 tỷ đồng, tương đương với 89,82% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc. Tuy nhiên, tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty mới thực hiện góp vốn là 38.928.155.570 đồng. Theo các điều khoản của Thỏa thuận góp vốn, Công ty sẽ trở thành thành viên góp vốn chính thức của Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc khi hoàn thành việc góp đủ số vốn đã cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019:

- Tên dự án và địa điểm xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại thôn Tân Long, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam
- Tổng mức đầu tư: 200 tỷ đồng (Vốn tự có; 30 tỷ đồng, vốn huy động khác 170 tỷ đồng)
- Bên được ủy quyền hợp tác đầu tư: Công ty Cổ phần An Lạc Sơn
- Diện tích đất sử dụng: 4.020 m²
- Thời gian hợp tác kinh doanh: 20 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi hai bên có thỏa thuận khác.

Theo công văn số 3801/STNMT-QLĐĐ ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc báo cáo kết quả xác minh diện tích đất chồng lấn giữa Công ty Halcom và Vườn quốc gia Tam Đảo, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai tính đến ngày 20 tháng 10 năm 2060. Sau khi nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo văn bản số 1657/SKHĐT-KTĐN ngày 08/08/2024 về triển khai Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Thăng Long nay là Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, UBND tỉnh đã gửi công văn số 6150/UBND-NN5 ngày 19/08/2024 phúc đáp đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên ngành làm việc về việc đổi tên nhà đầu tư. Tới thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam vẫn đang phối hợp với các cơ quan liên ngành để giải trình công văn phúc đáp của UBND tỉnh. Đồng thời, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định. Sau khi hoàn thành các yêu cầu này, Công ty sẽ được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng hóa	10.689.777.168	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.284.068.992	-	3.222.024.352	-
+ Gói khảo sát KTXH, cam kết đầu nối nước thải Hà Đông, Sơn Tây-HD số 12/TV/HD-ST Ngày 26.12.2011	1.003.332.851	-	1.003.332.851	-
+ M&A Thủy điện Tân Lập	413.784.233	-	-	-
+ TVGS Phát triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21 Tin dụng No.3590-VIE, HD số HUU-CS01	563.840.838	-	970.567.049	-
+ Các hợp đồng khác	1.303.111.070	-	1.248.124.452	-
Cộng	13.973.846.160	-	3.222.024.352	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (1)	55.359.795.036	33.704.542.568
- Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.597.490.470	6.597.490.470
- Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1 (2)	862.071.947	862.071.947
- Các dự án khác	2.124.413.816	1.709.368.306
Cộng	64.943.771.269	42.873.473.291

(1) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m³/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m³/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m³/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m³/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

(2) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1: công suất 200 MWh, thuộc xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Năm 2019, UBND tỉnh Quảng Bình cấp chủ trương cho Halcom khảo sát tiềm năng điện gió gần bờ tại Quảng Bình theo văn bản số 3525/VPUBND-KT của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26 tháng 9 năm 2019. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 5.500 tỷ đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	352.096.256	195.181.925
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	22.435.000
- Chi phí mua bảo hiểm	142.143.348	70.299.678
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	161.702.500	90.060.000
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn	48.250.408	12.387.247
b) Dài hạn	63.295.177	246.723.765
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	1.172.727
- Chi phí đào tạo cho Viện Malik	-	186.737.413
- Công cụ dụng cụ phân bổ	63.295.177	58.813.625
Cộng	415.391.433	441.905.690

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/04/2024	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
30/09/2024	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/04/2024	(105.684.416)	(3.881.404.226)	(25.896.290)	(4.012.984.932)
- Khấu hao trong kỳ	-	(226.573.998)	(5.407.578)	(231.981.576)
30/09/2024	(105.684.416)	(4.107.978.224)	(31.303.868)	(4.244.966.508)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/04/2024	-	2.300.984.864	6.549.165	2.307.534.029
30/09/2024	-	2.074.410.866	1.141.587	2.075.552.453

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2024 là 1.756.693.506 đồng (tại ngày 01/04/2024 là 1.756.693.506 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 30/09/2024 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.074.410.866 đồng (tại ngày 01/04/2024 là 2.300.984.864 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương	57.129.697	57.129.697	4.116.390.877	4.116.390.877
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Minh Anh	1.510.961.910	1.510.961.910	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng	1.045.654.251	1.045.654.251	409.994.476	409.994.476
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	54.514.096	54.514.096	54.514.096	54.514.096
- Các đối tượng khác	495.192.007	495.192.007	1.077.449.625	1.077.449.625
Cộng	3.163.451.961	3.163.451.961	5.658.349.074	5.658.349.074

Phải trả người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.3***14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	827.879.000	827.879.000	827.879.000	827.879.000
- Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp các Đô thị động lực - Thành phố Hải Dương	192.810.787	192.810.787	392.749.422	392.749.422
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II	-	-	347.246.927	347.246.927
- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào	287.627.192	287.627.192	287.627.192	287.627.192
- Các đối tượng khác	3.656.738.880	3.656.738.880	161.606.880	161.606.880
Cộng	4.965.055.859	4.965.055.859	2.017.109.421	2.017.109.421

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội

- Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp các Đô thị động lực - Thành phố Hải Dương

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II

- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào

- Các đối tượng khác

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/04/2024		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/09/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.400.912.522	442.454.637	765.859.816	3.077.507.343				
- Thuế thu nhập cá nhân	741.366.966	791.329.678	1.103.113.243	429.583.401				
- Các loại thuế khác	11.856.082	4.166.057	270.720	15.751.419				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	59.620.268	59.620.268	-				
	4.154.135.570	1.297.570.640	1.928.864.047	3.522.842.163				

	01/04/2024		Số đã nộp trong kỳ		Số đã được quyết toán bù trừ		30/09/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.799.495	-	-	-			316.799.495	
	316.799.495	-	-	-			316.799.495	



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/09/2024		Trong kỳ		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	66.805.011.392	66.805.011.392	86.890.573.533	80.458.261.262	60.372.699.121	60.372.699.121
- Vay ngắn hạn	63.805.011.392	63.805.011.392	86.890.573.533	80.458.261.262	57.372.699.121	57.372.699.121
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN	61.906.227.984	61.906.227.984	66.791.790.125	55.258.261.262	50.372.699.121	50.372.699.121
+ Cầu Giấy (1)						
+ Ông Nguyễn Hoàng Ánh (2)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC	-	-	-	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000
+ Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	-	-	20.000.000.000	22.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000
+ Ông Võ Trục Điền (3)	800.000.000	800.000.000	-	-	800.000.000	800.000.000
+ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (5)	98.783.408	98.783.408	98.783.408	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Bà Nguyễn Kiều Linh (4)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
b) Vay dài hạn	19.789.184.127	19.789.184.127	42.914.155.527	23.124.971.400	-	-
+ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (5)	19.789.184.127	19.789.184.127	42.914.155.527	23.124.971.400	-	-
Cộng	86.594.195.519	86.594.195.519	129.804.729.060	103.583.232.662	60.372.699.121	60.372.699.121

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135099/HĐTD ngày 20/09/2023, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 70.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng cụ thể và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/135099/HĐTD ngày 03/08/2023. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Ánh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng mới nhất số 04 gia hạn khoản vay đến 15/12/2024 và điều chỉnh lãi suất xuống 10%/năm từ 16/12/2023 - 15/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (3) Hợp đồng vay Ông Võ Trục Điền số 0612/2021/HĐVVT ngày 06/12/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay đến 05/12/2023. Tại 30/09/2024, khoản gốc vay còn phải trả là 800.000.000 VND.
- (4) Hợp đồng vay số 83/HĐVVT ngày 08/03/2022 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm, phụ lục hợp đồng gia hạn thời hạn vay đến 07/03/2025.
- (5) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDĐT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản Nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:
- Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty,
 - Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	123.800.288	114.594.809
- Các chi phí khác	745.449.649	745.449.649
Cộng	869.249.937	860.044.458

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	74.112.591	100.299.589
- Các khoản chi phí bảo hiểm	105.674.800	296.401.131
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.198.800	133.960.724
Cộng	287.986.191	530.661.444

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/04/2023	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.407.505.954	783.576.348.958
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.260.581.449	2.260.581.449
31/03/2024	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.668.087.403	783.836.930.407
01/04/2024	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.668.087.403	783.836.930.407
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	269.157.829	269.157.829
30/09/2024	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.937.245.232	784.106.088.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/09/2024		01/04/2024	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
+ Ông Nguyễn Quang Huân	204.648.720.000	26,66%	204.648.720.000	26,66%
+ Bà Bùi Thị Xuyên	40.000.000.000	5,21%	40.000.000.000	5,21%
+ Bà Trần Bắc Mỹ	40.000.000.000	5,21%	40.000.000.000	5,21%
+ Bà Vũ Thị Bích Liên	40.000.000.000	5,21%	40.000.000.000	5,21%
+ Các cổ đông khác	443.001.600.000	57,71%	443.001.600.000	57,71%
Cộng	767.650.320.000	100%	767.650.320.000	100%

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
+ Vốn góp đầu kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/09/2024	01/04/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	83.431.253.881	100.379.708.522
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.039.343.354	2.982.526.910
Cộng	108.470.597.235	103.362.235.432

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	80.482.063.323	98.649.377.154
- Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ	6.328.134.562	1.822.131.863
Cộng	86.810.197.885	100.471.509.017
22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	692.217.345	739.703
- Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời VKT Hòa An	-	14.498.497.267
Cộng	692.217.345	14.499.236.970
23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.402.313.538	3.602.250.270
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	14.658.507.238	10.877.605.996
- Chi phí tài chính khác	883.339.333	687.535.000
Cộng	17.944.160.109	15.167.391.266
24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	1.475.619.140	5.262.094.390
- Chi phí đồ dùng văn phòng	72.093.211	83.144.887
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.981.576	231.981.576
- Thuế, phí và lệ phí	-	1.582.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.115.471.704	2.502.854.563
- Chi phí bằng tiền khác	181.788.024	207.314.243
Cộng	4.076.953.655	8.288.972.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	72.093.211	-
- Chi phí nhân công	7.297.784.331	6.982.358.569
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.981.576	231.981.576
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.691.659.668	2.919.507.519
- Thuế phí	11.197.868	-
- Chi phí bằng tiền khác	188.371.563	225.783.564
Cộng	10.493.088.217	10.359.631.228

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023 VND
- Thu nhập từ tháo dỡ và thanh lý cột đo gió	-	47.345.455
- Các khoản khác	-	2
Cộng	-	47.345.457

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023 VND
- Tiền lãi chậm nộp	62.345.102	13.656.806
Cộng	62.345.102	13.656.806

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	269.157.829	(6.032.711.617)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	208.919.102	160.230.806
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	208.919.102	160.230.806
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	478.076.931	(5.872.480.811)
Chuyển lỗ	(478.076.931)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)

Công ty được phép chuyển toàn bộ và liên tục các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai với chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến 30/09/2024	Lỗ chưa kết chuyển tại 30/09/2024
		VND	VND	VND
2022	2027	(6.955.074.952)	5.654.942.013	(1.300.132.939)
		Tổng	5.654.942.013	

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần VSED	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
Công ty Cổ phần VSED	1.892.180.555	137.760.000
Bà Vũ Thị Minh Hằng	199.329.583	96.600.000
Ông Nguyễn Tiến Hân	52.133.334	39.100.000
Bà Lê Kim Anh	652.537.083	489.555.000
	2.796.180.555	763.015.000
Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	277.777.776	275.252.523
	277.777.776	275.252.523
Doanh thu tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	119.715.068	-
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	307.231.945	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	263.111.110	-
	690.058.123	-
Chi phí tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	134.219.177	296.095.890
	134.219.177	296.095.890

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/04/2023 đến VND
Hội đồng quản trị		1.266.191.300	1.438.981.582
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch	1.202.000.000	1.200.000.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	64.191.300	238.981.582
Ban Tổng Giám đốc		67.000.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	67.000.000	-
Ban kiểm soát		510.777.729	474.627.931
Ông Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban	262.138.139	250.214.624
Bà Trần Bắc Mỹ	Thành viên	106.421.772	53.613.307
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	142.217.818	170.800.000
Những người quản lý khác		1.492.341.622	1.463.415.350
Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị và những người quản lý khác		3.336.310.651	3.377.024.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	248.608.219	50.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	469.507.263	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	263.111.110	-
	981.226.592	50.000.000
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	30.058.000	30.058.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	162.275.318
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	21.319.000	21.319.000
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	11.753.000	11.753.000
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu	11.753.000	11.753.000
	74.883.000	237.158.318
Phải thu về cho vay		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	7.200.000.000	3.500.000.000
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	3.650.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	6.000.000.000	-
	16.850.000.000	3.500.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần VSED	77.760.000	-
- Bà Vũ Thị Minh Hằng	137.223.500	-
- Bà Lê Kim Anh	-	489.555.000
	214.983.500	489.555.000
Chi phí phải trả		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	88.273.972	79.068.493
	88.273.972	79.068.493

31. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Tô Thị Minh

Trần Thị Diệu

Nguyễn Quang Huân

